

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Quang
2. Ông Lữ Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Huế Phương. Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2023, về Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX - ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thành D, sinh năm: 1955 (Có mặt)

Trú tại: Khu vực A, phường N, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Lê Thị Bích T, sinh năm: 1968 (Có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Trú tại: Khu vực A, phường N, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn Lê Thành D trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn sống như vợ chồng vào tháng 12/1986, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đến Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ làm giấy khai đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/1987. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sau thời gian chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và cả hai sống ly thân. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống gia đình ngột ngạt, nặng nề, bị đơn hay ghen tuông và hay cằn nhằn

nguyên đơn chịu không được nên cả sống ly thân. Nay nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung Lê Hoàng H, giới tính: Nam, sinh năm: 1988 và Lê Hoàng P, giới tính: Nam, sinh năm: 1992. Hiện các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình tố tụng bị đơn Lê Thị Bích T trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung.

Về hôn nhân cả hai sống chung như vợ chồng năm tháng 12/1986, vợ chồng có đến Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ làm giấy khai đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/1987. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn do cả hai không hợp nhau về tính cách, nguyên đơn có mối quan hệ khác bên ngoài và hay kiếm chuyện với bị đơn, bị đơn bệnh và đi khám bệnh nhưng nguyên đơn gây sự. Hiện cả hai cãi nhau ở chung nhà nhưng nguyên đơn ngủ riêng và ăn uống riêng tự ly thân. Về tình cảm bị đơn không còn, không muốn hàn gắn nhưng không đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung Lê Hoàng H và Lê Hoàng P đã trưởng thành có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51 và Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con đã trưởng thành không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn Lê Thị Bích T có đăng ký thường trú tại Khu vực A, phường N, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trước khi mở phiên tòa bị đơn Lê Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành D và bà Lê Thị Bích T sống chung như vợ chồng vào tháng 12/1986 (theo xác nhận ngày 30/3/2023 của Ủy ban nhân dân phường N), có tổ chức lễ cưới theo truyền thống có đến cơ quan có thẩm quyền kê khai kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Do hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên hôn nhân thực tế được quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000. Khi có yêu cầu ly hôn được Tòa án thụ lý và giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, do bất đồng ý kiến với nhau, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, nên cả hai sống ly thân. Ông Danh và bà Thủy tự ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải động viên nguyên đơn và bị đơn xóa bỏ những mâu thuẫn trước đây để đoàn tụ vợ chồng do cả hai đã lớn tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc yêu thương lẫn nhau. Nhưng nguyên đơn và bị đơn vẫn sống ly thân, nguyên đơn cương quyết yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn không còn tình cảm với nguyên đơn, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc nguyên đơn Lê Thành D xin ly hôn với bị đơn Lê Thị Bích T là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lê Thành D đối với bị đơn Lê Thị Bích T phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét

[7]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[8]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 8; Điều 51; Điều 53; khoản 1, Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- *Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lê Thành D. Cho nguyên đơn Lê Thành D được ly hôn với bị đơn Lê Thị Bích T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn Lê Thành D được miễn án phí do người cao tuổi và có đơn miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên nguyên đơn được miễn án phí theo quy định.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND Tp. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS Tp. Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- UBND. Phường Ngã Bảy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Vũ Tiên